

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/LĐ-ST
Ngày: 23/9/2020.
(Về việc: “*Tranh chấp lao động
về bảo hiểm, tiền lương, tiền phép*”)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Phong Lan.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Huy Luận.
2. Bà Lê Thị Kiều Thu.
- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Hà - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Vào lúc 08 giờ, ngày 23 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số 34/2020/TLST- LĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp lao động “*Về bảo hiểm xã hội, về bảo hiểm y tế, về bảo hiểm thất nghiệp, về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, về tiền lương, về tiền phép*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 320/2020/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 429/2020/QĐST-LĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Hữu A, sinh năm 1990

Nơi cư trú: khu phố B, xã C, thành phố D, tỉnh E

*** Bị đơn:** Công ty TNHH F

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kim Sang G – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Kim Sang G tham gia tố tụng: Ông Trần Huy H, chức vụ: Quản lý và ông Huỳnh Hữu I, chức vụ: kế toán trưởng (theo giấy ủy quyền ngày 23/9/2020).

Địa chỉ trụ sở: khu phố J, phường K, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Thuận

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Xuân L – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn M – Chức vụ: Trưởng phòng quản lý thu (theo giấy ủy quyền số 794/BHXXH-TCCB ngày 09/6/2020).

Địa chỉ trụ sở: Khu dân cư N, phường O, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Hữu A trình bày:*

Trước đây ông là nhân viên nấu bếp cho Công ty TNHH F từ năm 2013, đến ngày 01/11/2019 ông làm đơn xin thôi việc thì được công ty đồng ý, đến tháng 12 năm 2019 thì nghỉ việc. Khi nghỉ việc công ty còn nợ tiền lương tháng 12 năm 2019 là 3.364.000 đồng, ngày phép bù 47 ngày là 13.160.000 đồng, chưa đóng tiền bảo hiểm, chưa chốt sổ bảo hiểm cho ông. Ông đã nhiều lần yêu cầu nhưng công ty không thực hiện. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH F phải trả tiền lương, tiền phép tổng cộng là 16.524.000 đồng, phải đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN để chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông theo như ý kiến của BHXH tỉnh Bình Thuận. Đối với bồi thường thất nghiệp ông xin rút không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Theo bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Huy H trình bày:*

Ông Nguyễn Hữu A là người lao động của Công ty TNHH F, ông có đơn xin thôi việc được công ty đồng ý, ông yêu cầu công ty phải đóng tiền bảo hiểm xã hội, chốt sổ bảo hiểm, trả tiền lương, tiền phép ông sẽ trao đổi với công ty và có phản hồi sau.

Về bản tự khai, bản ghi quá trình đóng BHXH, bảng tính tiền bảo hiểm công ty phải đóng cho ông A cho bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Thuận và tiền lãi chậm đóng đã nộp cho tòa án, ông đã được tiếp cận và thống nhất với số tiền cần đóng vào quỹ tạm tính để chốt sổ bảo hiểm xã hội và số tiền lãi phát sinh do chậm đóng theo quy định pháp luật.

Về tiền lương và tiền phép như ông A trình bày công ty chưa trả tiền lương tháng 12 năm 2019 là 3.364.000 đồng, ngày phép bù 47 ngày là 13.160.000 đồng cho ông A là đúng.

Tại phiên tòa đại diện bị đơn ông H và ông I thống nhất công ty chưa đóng các loại bảo hiểm cho ông A như đại diện Bảo hiểm xã hội trình bày và chưa trả tiền lương tháng 12 và tiền phép như ông A trình bày là đúng, tuy nhiên hai ông

không có quyền quyết định, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Thuận ông Nguyễn Văn M trình bày:*

Căn cứ dữ liệu quản lý thu BHXH của doanh nghiệp, thông tin về quá trình đóng bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLĐ-BNN) của ông Nguyễn Hữu A như sau:

1. Quá trình đóng BHXH, BHTN tại Công ty TNHH F (mã đơn vị YNXXX7Z) địa chỉ khu phố J, phường K, thành phố Phan Thiết như sau:

- Thời gian đóng Bảo hiểm xã hội vào quỹ hưu trí, tử tuất từ tháng 6/2013 đến tháng 11 năm 2019 là 06 năm 06 tháng.

- Thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 6/2013 đến tháng 11/2019 là 06 năm 06 tháng.

2. Tổng số tiền BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN (bao gồm tiền lãi chậm đóng) Công ty TNHH F phải đóng để cơ quan BHXH xác nhận chốt sổ BHXH của ông Nguyễn Hữu A là 56.373.525 đồng. Trong đó:

- Số tiền chậm đóng từ tháng 11/2017 đến tháng 11/2019 là 46.652.850 đồng (trong đó BHXH: 42.898.500 đồng; BHYT: 2.296.350 đồng; BHTN: 1.166.400 đồng; BHTNLĐ-BNN: 291.600 đồng).

- Số tiền lãi chậm đóng là 9.720.675 đồng (trong đó: tiền lãi chậm đóng BHXH: 9.277.873 đồng (tính từ tháng 01/2018 đến hết tháng 9/2020); tiền lãi chậm đóng BHYT: 261.536 đồng (tính từ tháng 7/2019 đến hết tháng 9/2020); tiền lãi chậm đóng BHTN: 145.013 đồng (tính từ tháng 6/2019 đến hết tháng 9/2020); tiền lãi chậm đóng BHTNLĐ-BNN: 36.253 đồng (tính từ tháng 6/2019 đến hết tháng 9/2020)). Và tiền lãi chậm đóng phát sinh tính từ tháng 10 năm 2020 cho đến ngày Công ty nộp xong các khoản nợ quỹ Bảo hiểm xã hội theo Luật bảo hiểm xã hội.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử, xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH F phải trả tiền lương, tiền phép, phải đóng các loại bảo hiểm xã hội và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Hữu A theo quy định của pháp luật. Đình chỉ yêu cầu về bồi thường bảo hiểm thất nghiệp của ông A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn Công ty TNHH F có trụ sở tại khu phố J, phường K, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu A khởi kiện tranh chấp lao động về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, về bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế, về bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về việc làm, về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động, về tiền lương, tiền phép với bị đơn Công ty TNHH F. Tranh chấp giữa hai bên đã được Phòng lao động thương binh và xã hội thành phố Phan Thiết hòa giải nhưng không thành, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 2 Điều 200, điểm d khoản 1 Điều 201 của Bộ luật lao động; điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu A yêu cầu Công ty TNHH F phải đóng các loại tiền bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm của Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Thuận, bao gồm: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động- bệnh nghề nghiệp để chốt sổ bảo hiểm xã hội và yêu cầu trả tiền lương tháng 12 năm 2019 và tiền phép cho ông. Tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện ông cung cấp, gồm: Hợp đồng lao động giữa ông A và Công ty TNHH F ngày 01/6/2015, phụ lục hợp đồng lao động ngày 09/02/2017 và ngày 01/3/2019, Biên bản hòa giải ngày 26/02/2020, Biên bản hòa giải không thành ngày 02/7/2020, Công văn số 412/LĐTBOXH ngày 20/3/2020 của Phòng lao động thương binh xã hội thành phố Phan Thiết, Đơn xin thôi việc ngày 01/11/2019, Sổ bảo hiểm xã hội của ông A.

Xét yêu cầu của ông A Hội đồng xét xử nhận thấy, ông A là người lao động làm việc cho Công ty TNHH F, đến ngày 01/11/2019 ông A có đơn xin thôi việc và được Công ty ký đồng ý cho thôi việc từ ngày 14/12/2019. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện bị đơn thừa nhận ông A là người lao động của công ty và công ty đã đồng ý cho ông A nghỉ việc như ông trình bày là đúng.

Xét thấy, Công ty TNHH F là người sử dụng lao động, hàng tháng công ty có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho người lao động và trích tiền đóng các bảo hiểm này từ tiền lương, tiền công của người lao động để nộp cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm theo quy định tại khoản 1 Điều 186 Bộ luật lao động năm 2012; khoản 2, 5 Điều 21 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 12, 13, 15 Luật bảo hiểm y tế; Điều 43, 44, điểm a, b khoản 1 Điều 57 Luật việc làm năm 2013.

Tại phiên tòa, người đại diện cho bị đơn thừa nhận có việc trích tiền lương của ông A để tham gia bảo hiểm xã hội đến thời điểm tháng 11 năm 2019 và còn nợ chưa thanh toán cho ông A tiền lương tháng 12 năm 2019 và tiền phép như ông A trình bày là đúng. Như vậy, việc Công ty TNHH F đã trừ lương của ông A hàng tháng nhưng không trích nộp các loại tiền bảo hiểm cho ông A, không chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông A, không trả tiền lương, tiền phép, trong khi bị đơn đã cho ông A nghỉ việc từ ngày 14/12/2019, là xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của

ông A theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 47, Điều 90, Điều 96 Bộ luật lao động năm 2012 và khoản 5 Điều 21 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Thuận xác nhận Công ty TNHH F chậm đóng các loại tiền bảo hiểm cho ông A tổng cộng là 46.652.850đ (trong đó tiền BHXH là 42.898.500đ; tiền BHYT: 2.296.350 đồng; tiền BHTN: 1.166.400 đồng; tiền BHTNLĐ-BNN: 291.600 đồng). Và tổng cộng số tiền lãi chậm đóng về các loại bảo hiểm là 9.720.675đ (trong đó BHXH: 9.277.873đ; BHYT: 261.536đ; BHTN: 145.013đ; BHTNLĐ-BNN 36.253đ). Như vậy, tổng số tiền chậm đóng và tiền lãi chậm đóng Công ty TNHH F phải đóng vào quỹ để xác nhận chốt sổ BHXH cho ông Nguyễn Hữu A là 56.373.525 đồng. Xét ý kiến của Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Thuận là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật bảo hiểm xã hội (các hành vi bị nghiêm cấm chậm đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp) và khoản 3 Điều 122 Luật bảo hiểm xã hội(xử lý vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội). Do đó, Công ty TNHH F ngoài việc phải đóng đủ số tiền chậm đóng còn phải nộp số tiền lãi tương ứng với thời gian chậm đóng theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội.

Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A, buộc Công ty TNHH F phải đóng vào quỹ bảo hiểm của Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Thuận để xác nhận chốt sổ bảo hiểm cho ông A tổng cộng là 56.373.525 đồng (trong đó tiền bảo hiểm 46.652.850 đồng, tiền lãi là 9.720.675đ). Và tiền lãi phát sinh tính từ tháng 10 năm 2020 cho đến ngày Công ty TNHH F nộp xong các khoản nợ các loại bảo hiểm theo qui định; Buộc Công ty TNHH F phải trả tiền lương tháng 12/2019 là 3.364.000 đồng và tiền phép 13.160.000 đồng cho ông A.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông A xin rút yêu cầu về bồi thường bảo hiểm thất nghiệp. Xét yêu cầu của ông A là hoàn toàn tự nguyện nên chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông A được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/Áp dụng:

- Điểm d khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 244; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự;
- Khoản 2, 3 Điều 47; khoản 1 Điều 186; khoản 2 Điều 200; điểm d khoản 1 Điều 201; Điều 90; Điều 96 Bộ luật lao động;
- Khoản 1, 3 Điều 2; khoản 8 Điều 18; khoản 2 Điều 17; khoản 1 Điều 19; khoản 2, 5 Điều 21; khoản 3 Điều 122 Luật Bảo hiểm xã hội.

- Điều 12, Điều 13, Điều 15, Điều 49 Luật Bảo hiểm y tế.
- Điều 43, Điều 44, điểm a, b khoản 1 Điều 57 Luật việc làm 2013
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

2/Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu A.

- Buộc Công ty TNHH F phải nộp vào quỹ bảo hiểm của Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Thuận số tiền bảo hiểm của ông Nguyễn Hữu A là 56.373.525 đồng (*Năm mươi sáu triệu, ba trăm bảy mươi ba nghìn, năm trăm hai mươi lăm đồng, trong đó số tiền chậm đóng bảo hiểm 46.652.850 đồng, tiền lãi chậm đóng 9.720.675 đồng*). Và tiền lãi phát sinh tính từ tháng 10 năm 2020 cho đến ngày Công ty TNHH F nộp xong các khoản nợ các loại bảo hiểm theo qui định của Luật bảo hiểm xã hội.

- Buộc Công ty TNHH F phải trả cho ông Nguyễn Hữu A số tiền 16.524.000 đồng (*Mười sáu triệu, năm trăm hai mươi bốn nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Đình chỉ xét xử về yêu cầu bồi thường bảo hiểm thất nghiệp của ông Nguyễn Hữu A.

3/ Về án phí: Công ty TNHH F phải nộp 2.186.925 đồng án phí lao động sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/9/2020).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Tp. Phan Thiết;
- Chi cục THADS Tp. Phan Thiết;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

